

Bản án số: 13/2020/DS-ST.

Ngày: 26 - 8 - 2020.

V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỘC - THANH HOÁ.

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Dũng, ông Phạm Ngọc Dung

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Văn Tư – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Vĩnh Lộc - tỉnh Thanh Hoá.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa không tham gia phiên tòa.*

Trong ngày 26 tháng 8 năm 2020 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 09/2020/TLST- DS ngày 04 tháng 3 năm 2020 về “ tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST - DS ngày 03 tháng 7 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 14/2020/QĐST – DS ngày 03 tháng 8 năm 2020 đối với các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị Ch – Sinh năm: 1966.

Trú tại: Thôn B, xã P, huyện V, tỉnh T.

Có mặt tại phiên tòa

2. *Bị đơn:* Chị Trịnh Thị H – Sinh năm: 1978,

Anh Nguyễn Văn H – Sinh năm 1976.

Đều trú tại: Thôn B, xã P, huyện V, tỉnh T.

Chị H, anh H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 02 năm 2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Vũ Thị Ch trình bày:

Bà và vợ chồng chị Trịnh Thị H, anh Nguyễn Văn H có mối quan hệ họ hàng với nhau nên trong khoảng thời gian từ ngày 09/11/2016 đến ngày 08/02/2018 bà Vũ Thị Ch đã cho vợ chồng chị Trịnh Thị H, anh Nguyễn Văn H; trú tại: Thôn B, xã P, huyện V, tỉnh T vay tổng số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) để

làm ăn phát triển kinh tế trong gia đình, trong giấy vay tiền không ghi lãi suất mà chỉ thỏa thuận miệng với nhau lãi suất là 3%/ tháng. Cụ thể: Ngày 09/11/2016 chị H vay số tiền là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), đến hạn chị H không trả được nợ như đã thỏa thuận nên đã gặp bà Ch để xin khất nợ, bà Ch cũng đồng ý và đến ngày 15/01/2017, mặc dù chị H chưa trả được nợ nhưng bà Ch vẫn tiếp tục cho chị H vay thêm 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) vì chị H nói: Anh H đang vay nợ UBND xã P, nếu không trả tiền cho UBND xã P anh H sẽ bị đuổi việc (lúc đấy anh H đang làm công chức địa chính xã P). Cả hai lần vay bà Ch và chị H đều thỏa thuận với nhau thời hạn vay 01 tháng, nhưng chị H không viết vào giấy vay tiền, đọc lại thấy thiếu, nên bà Ch đã tự tay viết thêm “thời hạn vay là 1 tháng” vào giấy vay tiền ngay lúc đấy trước mặt chị H. Ngày 08/02/2018 anh H vay số tiền là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), thời hạn vay đến ngày 08/3/2018. Trong giấy vay tiền không ghi lãi suất nhưng hai bên thỏa thuận miệng với nhau lãi suất là 3%/tháng. Hai lần chị H viết giấy vay tiền anh H đều đi cùng, cả hai vợ chồng đều đặt vấn đề để vay tiền bà nhưng bà nghĩ ai viết giấy cũng được nên bà đã không yêu cầu anh H phải ký vào giấy vay nợ cùng với chị H. Còn khoản vay ngày 08/02/2018, chỉ có một mình anh H đến vay tiền, nhưng sau đó bà đã thông báo lại cho chị H biết. Quá hạn đã lâu không thấy vợ chồng anh H, chị H trả khoản tiền nợ đã vay nên bà Ch đã gặp vợ chồng anh H, chị H đòi nhưng anh H, chị H đều khất lần không trả cho bà. Vì vợ chồng chị Trịnh Thị H, anh Nguyễn Văn H không có thiện chí trả nợ nên bà Ch đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc buộc vợ chồng chị Trịnh Thị H, anh Nguyễn Văn H phải có trách nhiệm trả cho bà Ch số tiền nợ gốc đã vay là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất mà pháp luật quy định tính từ ngày vay cho đến khi trả nợ xong.

Tại bản tự khai ngày 19/5/2020, bị đơn là chị Trịnh Thị H trình bày như sau:

Chị có vay bà Vũ Thị Ch hai lần tiền với tổng số tiền là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng). Cụ thể như sau: Ngày 09/11/2016 vay 30.000.000 đồng, ngày 15/01/2017 vay 50.000.000 đồng khi vay hai bên không thỏa thuận thời hạn trả nợ, chỉ thỏa thuận miệng với nhau lãi suất là 3.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày. “Thời hạn vay 1 tháng” trong giấy vay nợ là do bà Ch tự viết vào lúc nào chị không được biết. Số tiền vay nợ trên chị đã trả lãi cho bà Ch hàng tháng, tiền lãi đã được trả hết năm 2017 nhưng khi trả lãi bà Ch không viết giấy biên nhận cho chị, sau đó gia đình chị gặp khó khăn nên từ năm 2018 đến nay chị chưa trả lãi được cho bà Ch. Khi chị vay tiền bà Ch anh H là chồng chị không biết, chị cũng không chi tiêu chung cho gia đình. Nên số tiền gốc là 80.000.000 đồng chị H vay bà Ch, chị H sẽ có trách nhiệm trả nợ cho bà Ch cùng với tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật tính từ ngày 01/01/2018, anh H không liên quan đến khoản tiền nợ

này. Còn anh H vay bà Ch lúc nào, vay bao nhiêu chị H không được biết, nên chị không có trách nhiệm phải trả khoản tiền mà anh H đã vay bà Ch.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn H sau khi thụ lý vụ án đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không lấy được lời khai của anh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: Do vợ chồng chị Trịnh Thị H, anh Nguyễn Văn H có vay nợ của bà Vũ Thị Ch số tiền là 100.000.000 đồng. Quá hạn trả nợ, vợ chồng chị H, anh H không trả nên bà Ch khởi kiện ra Tòa án yêu cầu vợ chồng chị H, anh H phải trả số tiền còn nợ đã vay là 100.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh. Bị đơn là chị Trịnh Thị H, anh Nguyễn Văn H, đều trú tại: Thôn B, xã P, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Nguyễn Văn H đến Tòa án để làm bản tự khai nhưng anh H không đến Tòa án để làm việc nên Tòa án không có lời khai của anh H. Tòa án đã tổng đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng chị H, anh H không đến Tòa án. Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt chị H, anh H và không tiến hành hòa giải được vụ án. Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho chị H, anh H theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, do chị H, anh H vắng mặt lần hai; căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Trịnh Thị H và anh Nguyễn Văn H.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ nên Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà đương sự khác đã giao nộp để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và điều luật áp dụng: Giao dịch dân sự ngày 09/11/2016 giữa bà Vũ Thị Ch và chị Trịnh Thị H được thực hiện trước ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực. Vì vậy áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự 2005

để giải quyết, giao dịch dân sự ngày 15/01/2017 giữa chị H và bà Ch, giao dịch dân sự ngày 08/02/2018 giữa anh H và bà Ch được thực hiện khi Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết là phù hợp. Trên cơ sở chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 463 Bộ luật dân sự 2015 vụ án có quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào giấy vay tiền thể hiện chị Trịnh Thị H vay của bà Vũ Thị Ch tổng số tiền là 80.000.000đồng (Tám mươi triệu đồng). Cụ thể: Ngày 09/11/2016 vay 30.000.000 đồng; Ngày 15/01/2017 vay 50.000.000 đồng. Chị Hương cũng thừa nhận đã vay bà Ch số tiền trên là đúng thực tế. Nhưng vì khó khăn nên chị mới trả lãi cho bà Ch đến hết năm 2017. Hàng tháng chị đều trả lãi và đưa tiền trực tiếp cho bà Ch nhưng bà Ch không viết giấy biên nhận cho chị. Quá trình giải quyết vụ án bà Ch không công nhận chị H đã trả lãi cho bà đến hết năm 2017. Trong giấy vay tiền không thể hiện thời hạn vay, bà Ch và chị H không thống nhất được thời hạn vay, nên không đủ cơ sở để khẳng định đây là hợp đồng vay tài sản có thời hạn. Quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn H không đến Tòa án làm việc cho dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, căn cứ vào giấy vay tiền ngày 08/02/2018 thể hiện anh H có vay của bà Ch số tiền là 20.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 08/3/2018. Quá trình giải quyết vụ án bà Ch đều khẳng định khoản tiền vay 100.000.000 đồng là khoản vay chung của vợ chồng chị H, anh H nhưng chị H không công nhận. Chị H khẳng định việc vợ chồng chị vay nợ bà Ch là độc lập, chị không biết và không liên quan đến khoản vay 20.000.000 đồng của anh H cũng như anh H không biết và không liên quan đến khoản tiền vay 80.000.000 đồng của chị, bà Ch không đưa ra được chứng cứ để chứng minh việc vay nợ này là khoản vay chung của vợ chồng chị H, anh H. Như vậy, khẳng định hợp đồng vay tài sản giữa bà Ch và chị H là hợp đồng vay không có thời hạn, nhưng chị H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền lãi, hợp đồng giữa bà Ch và anh H là hợp đồng vay tài sản có thời hạn. Vợ chồng chị H, anh H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán như đã cam kết. Do đó, bà Ch yêu cầu vợ chồng chị H, anh H trả nợ cho bà Ch số tiền gốc đã vay là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) là có căn cứ nên được chấp nhận, nhưng không đủ cơ sở để buộc vợ chồng chị H, anh H phải trả chung khoản tiền nợ này. Buộc chị Trịnh Thị H phải có trách nhiệm trả cho bà Vũ Thị Ch số tiền nợ gốc đã vay là 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng), buộc anh Nguyễn Văn H phải có trách nhiệm trả cho bà Vũ Thị Ch số tiền gốc đã vay là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) là phù hợp với quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về lãi suất: Giao dịch dân sự giữa bà Ch và chị H, anh H trong giấy vay nợ không thể hiện lãi suất, bà Ch khẳng định khi cho chị H, anh H vay hai bên đều

có thỏa thuận miệng với nhau lãi suất là 3%/01 tháng, chị H không công nhận mà cho rằng khi vay hai bên có thỏa thuận miệng với nhau lãi suất là 3.000đồng/triệu/ngày nhưng cả bà Ch và chị H không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng minh như vậy có sự tranh chấp về lãi suất. Tại phiên tòa hôm nay bà Ch yêu cầu chị H, anh H phải trả lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc tính từ ngày vay cho đến ngày xét xử (26/8/2020) theo mức lãi suất mà pháp luật quy định. Chị H đề nghị tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 01/01/2018 cho đến ngày xét xử (26/8/2020) nhưng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh là đã trả lãi cho bà Ch đến hết năm 2017. Bà Ch và chị H không thống nhất với nhau được mức lãi suất cho vay, như vậy có sự tranh chấp về lãi suất nên từ ngày 09/11/2016 đến ngày 31/12/2016 áp dụng mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 305; khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết vụ án với lãi suất 9%/ năm là phù hợp. Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 26/8/2020 áp dụng Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết là 10%/ năm. Cụ thể:

Từ ngày 09/11/2016 đến ngày 31/12/2016 là 01 tháng 22 ngày: 30.000.000 đồng x 0,75%/ tháng x 01 tháng 22 ngày = 390.000 đồng.

Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 26/8/2020 là 43 tháng 25 ngày: 30.000.000 đồng x 0,833%/ tháng x 43 tháng 25 ngày = 10.953.200 đồng.

Từ ngày 15/01/2017 đến ngày 26/8/2020 là 43 tháng 11 ngày: 50.000.000 đồng x 0,833%/tháng = 18.062.200 đồng

Tổng số tiền lãi phát sinh chị H phải trả cho bà Ch là 29.405.400 đồng (hai mươi chín triệu bốn trăm lẻ năm nghìn bốn trăm đồng).

Giao dịch dân sự giữa bà Ch và anh H, trong giấy vay nợ không thể hiện lãi suất, bà Ch không chứng minh được anh H vay số tiền 20.000.000 đồng vào ngày 08/02/2018, thời hạn đến ngày 08/3/2018 với lãi suất khi vay là 3%/tháng, quá trình giải quyết vụ án anh H vắng mặt nên không lấy được lời khai của anh H. Nên khẳng định đây là hợp đồng vay tài sản không lãi, có thời hạn. Anh H đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên yêu cầu của bà Ch buộc anh H phải trả theo lãi suất theo quy định của pháp luật chỉ được tính từ ngày anh H vi phạm hợp đồng nên áp dụng Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết là 10%/ năm là phù hợp:

Từ ngày 09/3/2018 đến 26/8/2020 là 29 tháng 17 ngày = 20.000.000 đồng x 0,833% x 29 tháng 17 ngày = 4.925.800đồng (Bốn triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn tám trăm đồng)

Tổng cộng tiền gốc và lãi chị Trịnh Thị H phải trả cho bà Vũ Thị Ch là 80.000.000 đồng + 29.405.400 đồng = 109.405.400 đồng (Một trăm lẻ chín triệu bốn trăm lẻ năm nghìn bốn trăm đồng). Tổng số tiền gốc và lãi anh Nguyễn Văn H phải trả cho bà Vũ Thị Ch là: 20.000.000 đồng + 4.925.800 đồng = 24.925.800 đồng (Hai mươi bốn triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn tám trăm đồng).

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Ch được chấp nhận nên vợ chồng chị Trịnh Thị H, anh Nguyễn Văn H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với số tiền phải trả nợ. Trả lại cho bà Vũ Thị Ch số tiền tạm ứng án phí đã nộp là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 1 Điều 96, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 210, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 290, khoản 2 Điều 305; Điều 471, 474, 476, khoản 2 Điều 477 của Bộ luật dân sự 2005. Các Điều 357, 463, 466, 468, khoản 2 Điều 469, 470 và Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Ch về việc buộc chị Trịnh Thị H, anh Nguyễn Văn H phải trả số tiền nợ gốc đã vay và tiền lãi phát sinh.

2. Buộc chị Trịnh Thị H phải có trách nhiệm trả cho bà Vũ Thị Ch số tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng và 29.405.400 đồng tiền lãi. Tổng số tiền chị H phải trả là: 109.405.400 đồng (Một trăm lẻ chín triệu bốn trăm lẻ năm nghìn bốn trăm đồng). Buộc anh Nguyễn Văn H phải có trách nhiệm trả cho bà Vũ Thị Ch số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng và 4.925.800 đồng tiền lãi. Tổng số tiền anh H phải trả là: 24.925.800 (Hai mươi bốn triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn tám trăm đồng).

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật và người có quyền thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nói trên thì phải chịu thêm lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án tính từ ngày 27/8/2020, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Buộc chị Trịnh Thị H phải nộp 5.470.270 đồng (Năm triệu bốn trăm bảy mươi nghìn hai trăm bảy mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, anh Nguyễn Văn H phải nộp 1.246.290 đồng (Một triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn hai trăm chín mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại cho bà Vũ Thị Ch số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số AA/2018/0004621 ngày 28/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Bà Vũ Thị Ch có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Trịnh Thị H, anh Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự và điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hương Giang